

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA TS 2013
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2015-2016

TT	Mã HP	Tên học phần	Nhóm HP	Số tín chỉ			TKB		Phòng	Giảng viên	Ghi chú
				TC	LT	TH	Thứ	Tiết			
Nhóm 13-01											
1	3110093	Đại số sơ cấp	13-01	2	2	0	Sáu	9-10	B5-01	Phan Thị Quân	
2	3110373	Hình học xạ ảnh	13-01	2	2	0	Hai	6-7	B1-204	Phạm Quý Mười	
3	3111353	Lý thuyết số	13-01	2	2	0	Năm	9-10	B5-01	Lê Hoàng Trí	
4	3111443	Phương pháp dạy học toán 1	13-01	3	2	1	Bảy	1-3	B1-204	Ngô Thị Bích Thủy	
5	3111513	Tổ chức dạy học theo hướng tích cực	13-01	2	1	1	Ba	9-10	B1-204	Ngô Thị Bích Thủy	
6	3111553	Tôpô đại số 1	13-01	3	3	0	Năm	6-8	B5-01	Lê Hoàng Trí	
7	3111592	Quy hoạch tuyến tính	13-01	2	2	0	Tư	6-7	B5-01	Đặng Văn Riền	
8	3110562	Phương trình hàm	13-01	2	2	0	Hai	8-9	B1-204	Lê Hoàng Trí	
Nhóm 13-03											
1	3110953	Thống kê toán	13-03	3	3	0	Hai	1-3	B3-101	Lê Văn Dũng	
2	3111373	Mô hình toán	13-03	3	3	0	Bảy	7-9	B3-301	Lê Hải Trung	
3	3111533	Tối ưu tuyến tính	13-03	3	3	0	Tư	8-10	B3-101	Đặng Văn Riền	
4	3120012	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	13-03	3	2	1	Bảy	1-3	B3-101	Nguyễn Hoàng Hải	
7	3120372	Nhập môn mã nguồn mở	13-03	3	2	1	Năm	6-8	B2-303	Đoàn Duy Bình	
8	3120392	Phân tích và thiết kế giải thuật	13-03	3	2	1	Ba	7-9	B2-301	Trần Quốc Chiến	
Nhóm 13-04											
1	3120362	Nhập môn công nghệ phần mềm	13-04	2	2	0	Năm	6-7	B3-104	Nguyễn Thanh Tuấn	
2	3120472	Thiết kế và lập trình web	13-04	3	2	1	Năm	8-10	B3-104	Ngô Đình Thương	
3	3120483	Thực hành dạy học bộ môn	13-04	2	0	2	Tư	6-7	B3-104	Lê Viết Chung	
4	3120652	Đồ án thuật toán	13-04	3	2	1				Khoa Tin	
5	3120853	Phương pháp dạy học bộ môn	13-04	2	2	0	Hai	6-7	B3-104	Lê Viết Chung	
6	3120883	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	13-04	2	1	1	Bảy	8-9	B3-104	Trần Văn Hưng	
7	3120182	Đồ họa máy tính	13-04	3	2	1	Ba	6-8	B3-504	Phạm Anh Phương	
8	3120212	Hệ phân tán	13-04	3	2	1	Tư	8-10	B3-104	Lê Văn Sơn	
9	3120622	An toàn thông tin	13-04	2	2	0	Bảy	6-7	B3-104	Vũ Thị Trà	
Nhóm 13-05											
1	3120182	Đồ họa máy tính	13-05	3	2	1	Tư	7-9	B3-206	Phạm Anh Phương	
2	3120212	Hệ phân tán	13-05	3	2	1	Hai	7-9	A5-305	Lê Văn Sơn	
3	3120362	Nhập môn công nghệ phần mềm	13-05	2	2	0	Năm	8-9	B3-206	Nguyễn Thanh Tuấn	
4	3120652	Đồ án thuật toán	13-05	3	2	1				Khoa Tin	
5	3120833	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	13-05	3	2	1	Bảy	1-3	B3-206	Nguyễn Trần Quốc Vinh	
6	3120712	Khai phá dữ liệu	13-05	3	2	1	Ba	7-9	B1-304	Nguyễn Trần Quốc Vinh	
Nhóm 13-06											
1	3130162	Điện tử học	13-06	2	2	0	Năm	6-7	B3-105	Nguyễn Thị Mỹ Đức	
2	3130213	Kiểm tra đánh giá giáo dục	13-06	2	2	0	Tư	6-7	B3-105	Nguyễn Bảo Hoàng Thanh	
3	3130323	Phân tích chương trình Vật lý phổ thông	13-06	3	3	0	Bảy	6-8	B3-105	Phùng Việt Hải	
4	3130383	Thí nghiệm Vật lý phổ thông 1	13-06	1	0	1				Nguyễn Nhật Quang	
5	3130612	Vật lý chất rắn 2	13-06	2	2	0	Sáu	8-9	B3-105	Lê Hồng Sơn	
6	3130872	Tin học ứng dụng trong vật lí	13-06	3	2	1	Ba	6-8	A5-206	Nguyễn Nhật Quang	
7	3130422	Thông tin cáp quang	13-06	2	2	0	Tư	8-9	B3-105	Lê Văn Thanh Sơn	
8	3130843	Giải bài tập vật lí phổ thông	13-06	2	0	2	Ba	9-10	B3-304	Phùng Việt Hải	
9	3130893	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học vật lý	13-06	2	1	1	Bảy	1-2	B1-305	Lê Thanh Huy	
Nhóm 13-07											
1	3130022	Cấu trúc phổ nguyên tử	13-07	2	2	0	Ba	8-9	B1-306	Trần Thị Hồng	
2	3130422	Thông tin cáp quang	13-07	2	2	0	Năm	8-9	B1-306	Lê Văn Thanh Sơn	

TT	Mã HP	Tên học phần	Nhóm HP	Số tín chỉ			TKB		Phòng	Giảng viên	Ghi chú
				TC	LT	TH	Thứ	Tiết			
3	3130483	Thực tập chuyên đề 1	13-07	2	0	2	Năm	6-7	B1-306	Lê Xứng	
4	3130503	Thực tập cơ sở 1	13-07	2	0	2				Khoa Vật lý	
5	3130592	Vật lý bán dẫn	13-07	2	2	0	Sáu	8-9	B1-306	Nguyễn Quý Tuấn	
6	3130612	Vật lý chất rắn 2	13-07	2	2	0	Tư	8-9	B1-306	Lê Hồng Sơn	
7	3130812	Vật lý thống kê	13-07	2	2	0	Ba	6-7	B1-306	Nguyễn Thị Xuân Hoài	
10	3130243	Kỹ thuật vi xử lý	13-07	2	2	0	Tư	6-7	B1-306	Lê Xứng	
11	3130373	Quang phổ laser	13-07	2	2	0	Bảy	7-8	B1-304	Trần Thị Hồng	
Nhóm 13-08											
1	3140542	Hóa lượng tử	13-08	3	3	0	Ba	6-8	B3-104	Lê Tự Hải	
2	3140832	Phân tích định lượng	13-08	2	2	0	Bảy	6-7	B3-204	Bùi Xuân Vững	
3	3140883	Phương pháp dạy học cụ thể môn Hoá học	13-08	3	3	0	Tư	8-10	A5-305	Nguyễn Thị Lan Anh	
4	3141152	Thực hành hóa phân tích định lượng	13-08	1	0	1				Lê Thị Tuyết Anh	
5	3141233	Thực tế chuyên môn (tham quan)	13-08	1	0	1				Phan Văn An	
6	3141433	Bài tập hóa học ở THPT và kiểm tra đánh giá trong giáo dục	13-08	3	3	0	Hai	8-10	B3-105	Phan Văn An	
7	3141723	Thực hành phương pháp giảng dạy bộ môn	13-08	2	0	2				Khoa Hóa	
9	3140442	Hóa học môi trường	13-08	2	2	0	Tư	6-7	A5-305	Phạm Thị Hà	
10	3141743	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học hóa học	13-08	2	1	1	Ba	9-10	B3-104	Ngô Minh Đức	
Nhóm 13-09											
1	3140053	Các phương pháp phân tích điện hóa	13-09	2	2	0	Sáu	8-9	B3-104	Lê Thị Mùi	
2	3140073	Các phương pháp phân tích sắc kí	13-09	2	2	0	Ba	8-9	B3-105	Bùi Xuân Vững	
3	3140082	Các phương pháp phổ ứng dụng vào Hoá học	13-09	2	2	0	Năm	3-4	B3-105	Nguyễn Trần Nguyên	
4	3140683	Kĩ thuật lấy và xử lí mẫu	13-09	2	2	0	Sáu	6-7	B3-104	Nguyễn Thị Hường	
5	3140813	Ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí	13-09	2	2	0	Năm	6-7	B3-204	Nguyễn Thị Hường	
6	3141203	Thực hành phân tích quang, điện, sắc ký	13-09	3	0	3				Nguyễn Đình Chương	
7	3141223	Thực tập nhận thức	13-09	1	0	1				Đinh Văn Tạc	
8	3141683	Quan trắc và phân tích môi trường	13-09	3	3	0	Tư	6-8	B3-204	Bùi Xuân Vững	
9	3140722	Kỹ thuật chiết tách hợp chất có hoạt tính sinh học	13-09	2	2	0	Tư	9-10	B3-204	Vô Kim Thành	
Nhóm 13-10											
1	3140093	Các quá trình cơ bản tổng hợp hoá được	13-10	2	2	0	Hai	3-4	B3-104	Đỗ Thị Thúy Vân	
2	3141103	Thiết bị sản xuất được phẩm	13-10	2	2	0	Ba	8-9	B3-204	Trần Thị Ngọc Bích	
3	3141213	Thực tập nhận thức	13-10	1	0	1				Trần Thị Diệu My	
4	3141443	Các hợp chất hoá học có hoạt tính sinh học và kỹ thuật chiết tách	13-10	2	2	0	Hai	6-8	B3-204	Vô Kim Thành	
5	3141473	Hoá được 1	13-10	3	3	0	Bảy	6-8	B3-205	Trần Thị Diệu My	
6	3141483	Hoá được 2	13-10	2	2	0	Năm	8-9	B3-204	Phan Thảo Thơ	
7	3150223	Giải phẫu sinh lý người	13-10	2	2	0	Tư	6-7	B3-205	Nguyễn Công Thụy	
8	3141713	Tổng hợp tá được	13-10	2	2	0	Tư	8-9	B3-205	Phạm Văn Vượng (TC)	
9	3141752	Xử lý số liệu và quy hoạch thực nghiệm	13-10	2	2	0	Năm	3-4	B1-205	Nguyễn Bá Trung	
Nhóm 13-11											
1	3141192	Thực hành phân tích môi trường	13-11	1	0	1				Nguyễn Đình Chương	
2	3141413	Thực tập nhận thức	13-11	1	0	1				Nguyễn Đình Chương	
3	3141462	Độc học môi trường	13-11	2	0	2	Hai	6-7	B3-101	Ngô Thị Mỹ Bình	
4	3141602	Phân tích môi trường	13-11	2	2	0	Tư	9-10	B3-103	Bùi Xuân Vững	
5	3150062	Công nghệ môi trường	13-11	2	2	0				Khoa Sinh - MT (TG)	
6	3152332	Đánh giá tác động môi trường	13-11	2	2	0	Bảy	8-9	B3-103	Nguyễn Đình Chương	
7	3152602	Quản lý môi trường	13-11	2	2	0	Tư	7-8	B3-103	Phan Như Thúc	
8	3141672	Quản lý dự án môi trường	13-11	2	2	0	Năm	8-9	B3-105	Phạm Thị Trang	
9	3152402	Giáo dục và truyền thông bảo vệ môi trường	13-11	2	2	0	Ba	7-8	A5-308	Phạm Hồng Phong	

TT	Mã HP	Tên học phần	Nhóm HP	Số tín chỉ			TKB		Phòng	Giảng viên	Ghi chú
				TC	LT	TH	Thứ	Tiết			
10	3152682	<i>Quản lý tổng hợp vùng bờ</i>	13-11	2	2	0	Năm	6-7	B3-201	Nguyễn Thị Tường Vi	
Nhóm 13-12											
1	3150723	Thực tập thiên nhiên	13-12	1	0	1				Khoa Sinh - MT	
2	3150752	Tiến hóa và đa dạng sinh học	13-12	3	3	0	Hai	6-8	B3-205	Trương Thị Thanh Mai	
3	3151932	Nhập môn công nghệ sinh học	13-12	2	2	0	Ba	3-4	B3-104	Võ Châu Tuấn	
4	3152443	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	13-12	2	2	0	Bảy	7-8	B3-304	Nguyễn Thị Hải Yến (K. Sinh)	
5	3152473	Kỹ thuật nông nghiệp	13-12	2	2	0	Bảy	1-2	B3-104	Đỗ Thị Trường	
6	3152533	Phương pháp dạy học sinh học ở trường phổ thông	13-12	3	1	2	Sáu	6-8	B3-204	Trương Thị Thanh Mai	
7	3151643	<i>Đấu tranh sinh học và ứng dụng</i>	13-12	2	2	0	Năm	8-9	B3-504	Nguyễn Thị Tường Vi	
8	3152453	<i>Kỹ thuật dạy học sinh học</i>	13-12	2	2	0	Ba	6-7	B3-105	Trương Thị Thanh Mai	
9	3152753	<i>Rèn luyện kỹ năng soạn bài giảng sinh học</i>	13-12	2	1	1	Bảy	9-10	B3-304	Nguyễn Thị Hải Yến (K. Sinh)	
Nhóm 13-14											
1	3150143	Đánh giá tác động môi trường	13-14	3	3	0	Năm	7-9	B3-306	Võ Văn Minh	
2	3150553	Quy hoạch môi trường	13-14	2	2	0				Chu Mạnh Trinh (TG)	
3	3151133	Thực tập kỹ năng	13-14	1	0	1				Trần Ngọc Sơn	
4	3152463	Kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất	13-14	2	2	0	Tư	6-7	B3-306	Đoạn Chí Cường	
5	3152543	Phương pháp đánh giá nhanh môi trường	13-14	2	2	0	Bảy	6-7	B3-306	Đoàn Thanh Phương	
6	3152682	Quản lý tổng hợp vùng bờ	13-14	2	2	0	Hai	6-7	B3-206	Nguyễn Thị Tường Vi	
7	3152733	Quan trắc môi trường	13-14	3	3	0	Bảy	8-10	B3-306	Đoàn Thanh Phương	
8	3152903	Thực hành quan trắc môi trường	13-14	2	0	2				Trần Ngọc Sơn	
9	3152913	Thực hành quan trắc sinh học	13-14	1	0	1				Nguyễn Văn Khánh	
10	3152843	<i>Thanh tra môi trường</i>	13-14	2	2	0		-		K. Hóa (TG)	
Nhóm 13-15											
1	3150082	Công nghệ protein-enzyme	13-15	3	3	0	Ba	1-3	B1-204	Phạm Thị Mỹ	
2	3151753	Công nghệ sinh học môi trường	13-15	3	3	0	Bảy	8-10	B1-306	Nguyễn Thị Lan Phương	
3	3152033	Thực hành công nghệ protein-enzyme	13-15	2	0	2				Phạm Thị Mỹ	
4	3152053	Thực hành công nghệ sinh học môi trường	13-15	2	0	2				Nguyễn Thị Lan Phương	
5	3152233	Thực tập kỹ năng tại cơ sở sản xuất và nghiên cứu	13-15	2	0	2				Trần Quang Dân	
6	3151723	<i>Công nghệ sản xuất sạch hơn</i>	13-15	2	2	0				K. Sinh MT(TG)	
7	3151783	<i>Công nghệ vi sinh vật ứng dụng trong nông nghiệp</i>	13-15	2	2	0	Bảy	6-7	B1-306	Đoàn Thị Vân	
8	3151893	<i>Kiểm nghiệm an toàn lương thực, thực phẩm</i>	13-15	2	2	0	Sáu	8-9	B3-405	Nguyễn Thị Bích Hằng	
9	3151923	<i>Nuôi cấy mô và tế bào thực vật</i>	13-15	2	2	0	Sáu	6-7	B3-405	Võ Châu Tuấn	
10	3152083	<i>Thực hành công nghệ vi sinh vật ứng dụng trong nông nghiệp</i>	13-15	2	0	2				Đoàn Thị Vân	
11	3152133	<i>Thực hành kiểm nghiệm an toàn lương thực, thực phẩm</i>	13-15	2	0	2				Nguyễn Thị Bích Hằng	
12	3152143	<i>Thực hành nuôi cấy mô và tế bào thực vật</i>	13-15	2	0	2				Trần Quang Dân	
Nhóm 13-16											
1	3160043	Chuyên đề CNXH khoa học	13-16	2	2	0	Năm	6-7	B1-305	Vương Thị Bích Thủy	
2	3160053	Chuyên đề Kinh tế Chính trị	13-16	2	2	0	Sáu	6-7	B1-305	Trần Phan Hiếu	
3	3160253	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	13-16	3	3	0	Ba	8-10	B1-305	Ngô Văn Hà	
4	3160383	Thực tế chuyên môn	13-16	1	1	0					
5	3160493	Giới thiệu một số tác phẩm triết học của Mác-Ăngghen, Lênin (CBT)	13-16	2	2	0	Tư	8-9	B1-305	Lê Đức Tâm	
6	3160513	Logic biện chứng (CBT)	13-16	2	2	0	Ba	6-7	B1-305	Dương Đình Tùng	
7	3161553	Phương pháp dạy học Giáo dục công dân 1	13-16	2	1	1				K. GDCT (TG)	
8	3150352	<i>Môi trường và con người</i>	13-16	2	2	0	Tư	6-7	B1-305	Nguyễn Tấn Lê	
9	3160473	<i>Xây dựng Đảng</i>	13-16	2	2	0	Năm	8-9	B1-305	Lê Thương	
10	3160553	<i>Triết học trong các khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn (CBT)</i>	13-16	2	2	0	Hai	4-5	B3-504	Dương Đình Tùng	

TT	Mã HP	Tên học phần	Nhóm HP	Số tín chỉ			TKB		Phòng	Giảng viên	Ghi chú
				TC	LT	TH	Thứ	Tiết			
11	3161653	Thiết kế bài giảng trong dạy học chuyên ngành	13-16	2	2	0	Sáu	8-9	B1-305	Lê Viết Chung	
Nhóm 13-19											
1	3171102	Phong cách học tiếng Việt	13-19	3	3	0	Năm	3-5	B3-206	Bùi Trọng Ngoãn	
2	3171182	Phương pháp dạy học làm văn	13-19	2	1	1	Tư	8-9	B3-306	Nguyễn Đăng Châu	
3	3171203	Phương pháp dạy học tiếng Việt	13-19	3	2	1	Hai	8-10	B3-206	Nguyễn Đăng Châu	
4	3171222	Phương pháp dạy học văn học	13-19	3	2	1	Năm	8-10	B3-101	Cao Thị Xuân Phượng	
5	3172292	Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay	13-19	2	2	0	Sáu	3-4	B3-206	Bùi Bích Hạnh	
6	3172762	Văn bản Hán văn Việt Nam	13-19	2	2	0	Ba	6-7	B3-206	Nguyễn Hoàng Thân	
7	3170902	Ngôn ngữ học xã hội	13-19	2	2	0	Ba	8-9	B3-206	Hồ Trần Ngọc Oanh	
8	3171503	Tham quan thực tế	13-19	1	0	1				Khoa Ngữ văn	
9	3171722	Tự sự học	13-19	2	2	0	Sáu	6-7	B3-306	Phạm Thị Thu Hương	
10	3172172	Văn học so sánh	13-19	2	2	0	Tư	6-7	CD Văn	Lê Đức Luận	
Nhóm 13-20											
1	3170232	Chữ Nôm	13-20	2	2	0	Sáu	6-7	B3-206	Nguyễn Hoàng Thân	
2	3171102	Phong cách học tiếng Việt	13-20	3	3	0	Sáu	8-10	B3-205	Bùi Trọng Ngoãn	
3	3172032	Văn học Anh – Đức	13-20	2	2	0	Hai	3-4	B3-105	Nguyễn Phương Khánh	
4	3172172	Văn học so sánh	13-20	2	2	0	Tư	8-9	B3-304	Lê Đức Luận	
5	3172292	Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay	13-20	2	2	0	Bảy	1-2	B3-105	Bùi Bích Hạnh	
6	3172912	Văn học Mỹ	13-20	2	2	0	Năm	8-9	B3-304	Nguyễn Phương Khánh	
7	3170192	Các phạm trù văn hóa - văn học trung đại Việt Nam	13-20	2	2	0	Sáu	3-4	B3-205	Nguyễn Phong Nam	
8	3170982	Ngữ pháp chức năng	13-20	2	2	0	Tư	4-5	B3-205	Trần Văn Sáng	
9	3171152	Phương ngữ học	13-20	1	1	0	Hai	1-2	B3-105	Nguyễn Trí Tân	
10	3172932	Văn học và báo chí	13-20	2	2	0	Hai	9-10	B3-205	Nguyễn Thanh Trường	
Nhóm 13-21											
1	3170232	Chữ Nôm	13-21	2	2	0	Hai	8-9	B3-506	Nguyễn Hoàng Thân	
2	3170393	Di tích và thắng cảnh Việt Nam	13-21	2	2	0	Năm	6-7	B3-206	Nguyễn Hoàng Thân	
3	3171893	Văn hoá trang phục Việt Nam	13-21	2	2	0	Năm	8-9		Hoàng Thị Mai Sa	Hoàn đến t
4	3172773	Văn hoá Anh	13-21	2	2	0	Tư	8-9	B3-506	Trần Thị Yến Minh	
5	3172873	Văn hoá Pháp	13-21	2	2	0	Sáu	8-9	B3-206	Phạm Thị Thu Hương	
6	3181192	Văn hoá Chămpa	13-21	2	2	0	Ba	6-7	B3-306	Trần Thị Mai An	
7	3170403	Địa chỉ văn hóa Việt Nam	13-21	2	2	0				Lưu Anh Rô (TG)	
8	3170422	Địa danh học và địa danh Việt Nam	13-21	2	2	0	Ba	8-9	B1-303	Bùi Trọng Ngoãn	
9	3171513	Tham quan thực tế	13-21	1	0	1				Khoa Ngữ văn	
10	3172823	Văn hóa kinh doanh	13-21	2	2	0	Tư	4-5	B1-204	Phạm Thị Tú Trinh	
11	3172863	Văn hoá Nhật Bản	13-21	2	2	0	Tư	6-7	B3-506	Nguyễn Phương Khánh	
12	3172883	Văn hóa tộc người thiểu số Việt Nam	13-21	2	2	0	Hai	6-7	B1-304	Trần Thị Mai An	
Nhóm 13-22											
1	3170863	Nghị luận báo chí	13-22	2	1	1				Thanh Minh (TG)	
2	3171063	Phát thanh	13-22	3	3	0	Năm	8-10		Phạm Thanh Hằng (TG)	
3	3171333	Quan hệ công chúng và báo chí	13-22	2	2	0	Tư	8-9		Võ Hồ Bảo Hạnh (TG)	
4	3171403	Sản xuất chương trình phát thanh	13-22	2	1	1	Bảy	8-9		Phạm Thanh Hằng (TG)	
5	3171413	Sản xuất chương trình truyền hình	13-22	2	1	1	Năm	6-7	B3-101	Trần Thị Yến Minh	
6	3172483	Kiến tập nghiệp vụ	13-22	2	0	2				Khoa Ngữ văn	
7	3172503	Kỹ thuật quay và dựng phim	13-22	2	1	1	Bảy	6-7		Khoa Ngữ văn	
8	3171053	Pháp luật về báo chí	13-22	2	2	0	Hai	9-10		Phạm Thanh Hằng (TG)	
9	3172452	Các vùng văn hoá Việt Nam	13-22	2	2	0	Sáu	6-7		Hoàng Thị Mai Sa	Hoàn đến t
Nhóm 13-23											
1	3180202	Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay	13-23	2	2	0	Hai	3-4	B3-205	Nguyễn Mạnh Hồng	
2	3180282	Kinh tế Việt Nam thời cận đại	13-23	2	2	0	Tư	6-7	B3-304	Nguyễn Duy Phương	
3	3180442	Lịch sử Việt Nam hiện đại (từ 1945 đến nay)	13-23	3	3	0	Hai	8-10	B3-306	Nguyễn Mạnh Hồng	
4	3180783	Thực tế chuyên môn 2	13-23	1	0	1				Khoa Lịch sử	

TT	Mã HP	Tên học phần	Nhóm HP	Số tín chỉ			TKB		Phòng	Giảng viên	Ghi chú
				TC	LT	TH	Thứ	Tiết			
5	3180933	Kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông	13-23	2	2	0	Năm	8-9	B3-103	Trương Trung Phương	
6	3181013	Phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông	13-23	3	2	1	Tư	8-9		Trịnh Đình Tùng (TG)	
7	3181023	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	13-23	2	2	0	Bảy	8-9	B3-206	Nguyễn Mạnh Hồng	
8	3180052	<i>Các kế hoạch q.sự của Pháp và sự phá sản của nó trong chiến tranh xâm lược Đông Dương 1945-1954</i>	13-23	2	2	0	Năm	6-7	B3-103	Nguyễn Mạnh Hồng	
9	3180632	<i>Quan hệ quốc tế thời cận đại</i>	13-23	2	2	0	Sáu	6-7	B3-205	Dương Thị Tuyết	
10	3180913	<i>Bài học lịch sử ở trường THPT</i>	13-23	2	1	1	Năm	3-4	B1-303	Trương Trung Phương	
11	3180943	<i>Lịch sử ngoại giao Việt Nam</i>	13-23	2	2	0	Bảy	6-7	B3-206	Nguyễn Mạnh Hồng	
Nhóm 13-24											
1	3180292	Lịch pháp học	13-24	2	2	0	Sáu	6-7	B3-101	Lưu Trang	
2	3180722	Thanh toán quốc tế	13-24	2	2	0	Bảy	6-7	B3-103	Ngô Thị Hường	
3	3180743	Thị trường du lịch	13-24	2	2	0	Sáu	8-9	B3-101	Nguyễn Duy Phương	
4	3181053	Thực tế các điểm văn hoá, du lịch 2	13-24	2	0	2				Khoa Lịch sử	
5	3181112	Kinh tế du lịch	13-24	2	2	0	Tư	8-9	B3-201	Nguyễn Duy Phương	
6	3181152	Marketing du lịch	13-24	2	2	0	Bảy	1-2	B3-201	Ngô Thị Hường	
7	3181162	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	13-24	2	2	0	Bảy	3-4	B3-201	Nguyễn Mạnh Hồng	
8	3181182	Tổng quan ngành lưu trú	13-24	2	2	0	Hai	3-4	B3-103	Lê Thị Thu Hiền	
9	3171652	<i>Tiếng Việt thực hành</i>	13-24	2	2	0	Năm	8-9	A5-403	Hồ Trần Ngọc Oanh	
10	3191682	<i>Địa danh Việt Nam</i>	13-24	2	2	0	Sáu	3-4	B3-501	Trương Phước Minh	
11	3201352	<i>Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch</i>	13-24	2	2	0	Năm	6-7	A5-403	Tô Thị Quyên	
Nhóm 13-26											
1	3190042	Bản đồ giáo khoa	13-26	2	2	0	Hai	6-7	B3-103	Nguyễn Thị Diệu	
2	3190442	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 2	13-26	3	3	0	Năm	8-10	B3-201	Nguyễn Đặng Thào Nguyễn	
3	3190482	Địa lý kinh tế- xã hội thế giới 2	13-26	2	2	0	Ba	1-2	B3-203	Hoàng Thị Diệu Huyền	
4	3190492	Địa lý kinh tế- xã hội thế giới 3	13-26	2	2	0	Sáu	8-9	B3-201	Nguyễn Văn Thái	
5	3190982	Thực địa địa lý kinh tế - Du lịch	13-26	1	0	1		-		K. Địa lý	
6	3191763	Phương pháp giảng dạy địa lý ở trường Trung học	13-26	3	3	0	Tư	6-8	B3-203	Đậu Thị Hòa	
7	3190092	<i>Cơ sở địa lý du lịch</i>	13-26	2	2	0	Hai	8-9	B3-103	Nguyễn Đặng Thào Nguyễn	
8	3190773	<i>Nghiên cứu & giảng dạy địa lý địa phương</i>	13-26	2	2	0	Ba	3-4	B3-203	Đoàn Thị Thông	
9	3190912	<i>Tại biến thiên nhiên</i>	13-26	2	2	0	Sáu	6-7	B3-201	Nguyễn Văn Nam	
Nhóm 13-28											
1	3141602	Phân tích môi trường	13-28	2	2	0	Năm	8-9	B1-304	Nguyễn Thị Hường	
2	3152602	Quản lý môi trường	13-28	2	2	0	Bảy	6-7	B1-305	Nguyễn Thanh Tường	
3	3190982	Thực địa địa lý kinh tế - Du lịch	13-28	1	0	1		-		K. Địa lý	
4	3191543	Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	13-28	3	2	1	Sáu	8-10	B1-304	Nguyễn Văn Nam	
5	3191693	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	13-28	3	3	0	Tư	8-10	B1-304	Nguyễn Đặng Thào Nguyễn	
6	3170262	<i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>	13-28	2	2	0	Ba	3-4	B1-303	Lê Đức Luận	
7	3190172	<i>Dân số học và địa lí dân cư</i>	13-28	2	2	0	Bảy	8-9	B1-305	Đoàn Thị Thông	
8	3191882	<i>Kinh tế môi trường</i>	13-28	2	2	0	Bảy	1-2	B3-403	Nguyễn Thanh Tường	
9	3191902	<i>Quy hoạch sử dụng đất</i>	13-28	2	2	0	Tư	6-7	B1-304	Lê Ngọc Hành	
Nhóm 13-29											
1	3191193	Địa lý du lịch thế giới	13-29	2	2	0	Sáu	8-9	B3-103	Trương Phước Minh	
2	3191233	Địa lý kinh tế-xã hội thế giới 2	13-29	2	2	0	Hai	3-4	B3-402	Hoàng Thị Diệu Huyền	
3	3191253	Địa lý kinh tế-xã hội Việt Nam 2	13-29	2	1	1	Ba	8-9	B3-101	Nguyễn Đặng Thào Nguyễn	
4	3191603	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	13-29	2	2	0				Phạm Thị Minh Chính	
5	3191823	Thực tế chuyên môn 2	13-29	2	0	2				K. Địa lý	
6	3191862	Du lịch sinh thái	13-29	2	2	0	Bảy	8-9	B3-101	Nguyễn Thanh Tường	
7	3172672	<i>Tiếp xúc văn hoá Đông – Tây ở Việt Nam</i>	13-29	2	2	0	Ba	6-7	A5-201	Phạm Thị Thu Hương	
8	3181123	<i>Hệ thống bảo tàng và di tích ở Việt Nam</i>	13-29	2	2	0	Hai	8-9	B1-303	Trần Thị Mai An	

TT	Mã HP	Tên học phần	Nhóm HP	Số tín chỉ			TKB		Phòng	Giảng viên	Ghi chú
				TC	LT	TH	Thứ	Tiết			
9	3190642	<i>Giáo dục môi trường (MT)</i>	13-29	2	2	0	Tư	9-10	B1-303	Đậu Thị Hòa	
Nhóm 13-31											
1	3200292	Tâm bệnh học	13-31	2	2	0				Lâm Tứ Trung (TG)	
2	3200513	Tâm lý học quản lý	13-31	3	3	0	Tư	7-9	B3-301	Lê Quang Sơn	
3	3200613	Thực hành chẩn đoán tâm lý	13-31	2	0	2	Năm	8-9	B3-203	Nguyễn Thị Kim Xuân	
4	3201263	Lý luận giáo dục	13-31	3	3	0	Sáu	8-10	B3-203	Nguyễn Thị Nguyệt	
5	3201613	Thực hành phương pháp nghiên cứu tâm lý học	13-31	2	0	2	Hai	8-9	B3-201	Nguyễn Thị Trâm Anh	
6	3201663	Phương pháp luận NCKH tâm lý học	13-31	1	1	0	Tư	4-5	B3-101	Lê Quang Sơn	
7	3201933	Tâm lý học tham vấn	13-31	3	3	0	Ba	6-8	B3-103	Nguyễn Thị Trâm Anh	
8	3200533	<i>Tâm lý học sáng tạo</i>	13-31	2	2	0	Năm	6-7	B3-203	Nguyễn Thị Kim Xuân	
9	3200633	<i>Thực hành tâm bệnh học</i>	13-31	2	0	2				Lâm Tứ Trung (TG)	
10	3201282	<i>Thực hành giáo dục kỹ năng sống</i>	13-31	2	0	2	Hai	6-7	B3-201	Lê Thị Duyên	
Nhóm 13-32											
1	3201153	Thực hành công tác xã hội 3	13-32	4	1	3	Bảy	1-4	B3-203	Bùi Đình Tuấn	
2	3201533	Tổ chức và phát triển cộng đồng	13-32	3	3	0	Năm	6-8	B3-301	Bùi Đình Tuấn	
3	3201643	Xây dựng và quản lý dự án	13-32	3	3	0	Ba	6-8	B3-201	Bùi Đình Tuấn	
4	3201883	Sức khỏe cộng đồng	13-32	3	3	0	Tư	6-8	B3-303	Bùi Thị Thanh Diệu	
5	3201743	<i>Công tác xã hội với người nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS</i>	13-32	3	3	0	Tư	3-5	B3-404	Lê Thị Lâm	
Nhóm 13-33											
1	3161343	Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	13-33A	2	1	1	Năm	9-10	B3-305	Trương Quang Minh	
2		Mỹ thuật 1	13-33A	2	1	1	Tư	6-7	B3-305	Đàm Văn Thọ	
3	3210353	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	13-33A	3	2	1	Tư	8-10	B3-305	Trần Thị Kim Cúc	
4	3210783	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	13-33A	3	2	1	Năm	6-8	B3-305	Nguyễn Nam Hải	
5	3210843	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 2 & PPDH ở tiểu học	13-33A	3	2	1	Hai	8-10	B3-304	Trần Thị Kim Cúc	
6	3210993	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (TH) 2	13-33A	3	1	2	Ba	6-8	B3-205	Nguyễn Phan Lâm	
7	3161343	Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	13-33B	2	1	1	Sáu	6-7	B3-304	Trương Quang Minh	
8		Mỹ thuật 1	13-33B	2	1	1	Tư	9-10	B3-404	Đàm Văn Thọ	
9	3210353	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	13-33B	3	2	1	Năm	7-9	B3-404	Trần Thị Kim Cúc	
10	3210783	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	13-33B	3	2	1	Tư	6-8	B3-404	Phan Minh Trung	
11	3210843	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 2 & PPDH ở tiểu học	13-33B	3	2	1	Ba	7-9	B3-404	Trần Thị Kim Cúc	
12	3210993	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (TH) 2	13-33B	3	1	2	Hai	8-10	B3-305	Nguyễn Phan Lâm Quyền	
13	3171652	<i>Tiếng Việt thực hành</i>	13-33B	2	2	0	Hai	6-7	B1-306	Lê Sao Mai	
14	3171652	<i>Tiếng Việt thực hành</i>	13-33A	2	2	0	Hai	6-7	B3-306	Nguyễn Thị Thúy Nga	
15	3210953	<i>Phương pháp giải toán ở tiểu học</i>	13-33A	3	2	1	Sáu	7-9	B3-506	Hoàng Nam Hải	
Nhóm 13-34											
1	3210413	Phương pháp hình thành biểu tượng toán	13-34	3	2	1	Năm	8-10	B3-102	Nguyễn Thị Triều Tiên	
2	3210433	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	13-34	3	2	1	Tư	6-8	B3-102	Mai Thị Cẩm Nhung	
3	3210623	Tổ chức các HĐ giáo dục MN theo hướng tích hợp	13-34	2	1	1	Năm	6-7	B3-102	Đinh Thị Đoàn Hương	
4	3210943	Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	13-34	3	2	1	Ba	6-8	B3-102	Nguyễn Thị Diệu Hà	
5	3210973	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (MN) 2	13-34	3	1	2	Hai	8-10	B3-102	Nguyễn Thị Châu	
6	3210273	<i>Phát huy tính tích cực n.thức cho trẻ MN trong trò chơi HT</i>	13-34	2	2	0	Ba	9-10	B3-102	Lê Thị Anh Kiều	
7	3210053	<i>Chuyên đề phát triển tính tích cực vận động cho trẻ</i>	13-34	2	2	0	Sáu	6-7	B3-402	Phan Thị Nga	

Ghi chú:

- Buổi học chính: Khóa TS 2013, 2015 học buổi CHIỀU, khóa TS 2012, 2014 học buổi SÁNG; Các học phần in nghiêng là HP tự chọn.

- Áp dụng TKB: từ ngày 11/01/2016. Nghỉ Tết nguyên đán: từ ngày 01/02/2016 đến 14/2/2016.

- Thi giữa kỳ: từ 21/3/2016 đến 27/3/2016; riêng ngành SP Lịch sử, SP Sinh học, SP Địa lý, GD Chính trị, CN Văn học, CN Văn hóa học, CN Địa lý TNMT thi giữa kỳ từ ngày 28/3 đến 03/4/2016.

TT	Mã HP	Tên học phần	Nhóm HP	Số tín chỉ			TKB		Phòng	Giảng viên	Ghi chú
				TC	LT	TH	Thứ	Tiết			

- Thi kết thúc học phần: các ngành SP Toán, SP Vật lý, SP Tiểu học, SP Mầm non, SP Tin học, CN ToánUD, CN Tâm lý học, CN Công tác XH, CN CNTTin thi từ ngày 30/5 đến 26/6/2016; các ngành còn lại thi từ ngày 06/6 đến 26/6/2016.
- Đối với các học phần thỉnh giảng, mời giảng: các Khoa lập tờ trình (*kèm hồ sơ mời giảng theo quy định 2823/QĐ-ĐHDN*) gửi về phòng Đào tạo trước ngày 11/01/2016 để tổng hợp và trình Lãnh đạo Trường duyệt mới được thực hiện và thanh toán giờ giảng.
- Nếu có điều chỉnh, bổ sung lịch dạy, các Khoa liên hệ Phòng Đào tạo trường ĐHSP trước ngày 17/01/2016 và có văn bản đề nghị gửi về Phòng Đào tạo. Số điện thoại 0905800804 (*gặp đ/c Huỳnh Minh Tuyền*).

Đà Nẵng, ngày /01/2015

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TS. LÊ THANH HUY

háng 4/2016

háng 4/2016

